

Bản án số: 641/2018/DS-ST
Ngày: 13-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lợi

Bà Đỗ Thị Trúc Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2251/2016/TLST-DS ngày 16-12-2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5141/2018/QĐXXST-DS ngày 08-10-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5323/2018/QĐST-DS ngày 24-10-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Bùi Trần T, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: Đường D, phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Đường H, phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 21-8-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu N trình bày:

Nguyên đơn có cho bị đơn là ông Bùi Trần T vay tiền nhiều lần, lúc đầu là 10.000.000 đồng, sau tăng dần lên đến 443.900.000 đồng. Sau đó bị đơn tránh mặt nguyên đơn không trả nợ.

Ngày 10-6-2014, bị đơn viết Giấy mượn tiền xác nhận vay 339.900.000 đồng của nguyên đơn, bị đơn hứa hàng tháng sẽ trả 10.000.000 đồng kể từ ngày

làm đơn nợ tiền, số tiền trên hoàn toàn không lãi suất. Bị đơn ghi nhầm là 339.900.000 đồng nên nguyên đơn có sửa lại là 333.900.000 đồng.

Tháng 6, 7, 8, 9, 10 năm 2014, bị đơn trả cho nguyên đơn được 48.900.000 đồng, còn nợ lại 285.000.000 đồng. Sau đó gia đình bị đơn bán nhà nên bị đơn không trả tiếp nữa.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 285.000.000 đồng nợ gốc và 53.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 20-10-2014 tạm tính đến ngày 20-8-2016 theo lãi suất trả chậm của ngân hàng.

- Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Bùi Trần T, địa chỉ thường trú: Đường D, phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Đường H, phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 285.000.000 đồng nợ gốc và 53.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 20-10-2014 tạm tính đến ngày 20-8-2016 theo lãi suất trả chậm của ngân hàng:

[5] Theo Giấy mượn tiền ngày 10-6-2014, bị đơn xác nhận vay 339.900.000 đồng của nguyên đơn, do bị đơn ghi sai số tiền còn nợ nên nguyên đơn có điều chỉnh lại là bị đơn thiếu 333.900.000 đồng. Tại Tòa, nguyên đơn xác nhận số tiền bị đơn nợ nguyên đơn là 333.900.000 đồng. Tháng 6, 7, 8, 9, 10 năm 2014, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 48.900.000 đồng, còn nợ lại 285.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả 285.000.000 đồng nợ gốc phù hợp với quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Trong Giấy mượn tiền ngày 10-6-2014, bị đơn hứa hàng tháng sẽ trả 10.000.000 đồng kể từ ngày làm đơn nợ tiền, các bên không thỏa thuận tiền lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 20-10-2014 đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về mức lãi suất, theo quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 20-10-2014 đến ngày 13-11-2018 là: 285.000.000 đồng x 9%/năm : 360 x 1.486 ngày = 105.877.500 đồng.

[8] Đương sự không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.543.875 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 và khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu N

Buộc ông Bùi Trần T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu N 285.000.000 đồng nợ gốc theo Giấy mượn tiền ngày 10-6-2014 và 105.877.500 đồng nợ lãi tính đến ngày 13-11-2018.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thu N 4.225.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004899 ngày 16-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.543.875 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm